TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC A **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1238/2025/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 11 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC A - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ các Điều 397, 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83; 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 919/2025/HNST, ngày 23/10/2025 về yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Bà Lê Thị T.N và ông Nguyễn V.N ; Cùng địa chỉ: Số H, đường T, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Hôn nhân giữa bà T.N và ông V.N là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 80/2016, ngày 21/6/2016 do Ủy ban nhân dân xã S, tỉnh Q cấp.

[2] Theo đơn yêu cầu thuận tình ly hôn; Biên bản hòa giải đoàn tụ ngày 05/11/2025. Bà T.N và ông V.N yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Con chung, bà T.N trực tiếp nuôi M.A; ông V.N trực tiếp nuôi H.A, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tài sản chung, ông bà không yêu cầu Tòa án ghi nhận.

[3] Tòa án đã tiến hành hòa giải. Xét thấy, bà T.N và ông V.N thật sự tự nguyện ly hôn.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của đương sự cụ thể như sau:

1. 1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị T.N và ông Nguyễn V.N thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 80/2016, ngày 21/6/2016 do Ủy ban nhân dân xã S, tỉnh Q cấp, không còn hiệu lực.

1.2. Về con chung: Bà T.N và ông V.N có 02 con chung tên Nguyễn Lê H.A, sinh ngày 19/11/2016 và Nguyễn Lê M.A, sinh ngày 10/6/2021. Bà T.N trực tiếp nuôi M.A; ông V.N trực tiếp nuôi H.A, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà T.N và ông V.N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở;

Trên cơ sở lợi ích con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Bà T.N và ông V.N không yêu cầu Tòa án ghi nhận.

1.4. Lệ phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng. Bà T.N và ông V.N chịu. Cấn trừ tiền tạm ứng lệ phí theo Biên lai thu số 0029731, ngày 22/10/2025 của Phòng thi hành án dân sự khu vực A - Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T.N và ông V.N đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự**;**
- VKSND KVA - TPHCM;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Phòng THADS KVA - TPHCM;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thu Hạnh